

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 14-01-2021  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Công Khoan

Ông Hoàng Văn Đạo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* chị Hà Thị Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. *Bị đơn* Anh Dương Công T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Đ trình bày:*

Chị Hà Thị Đ kết hôn với anh Dương Công T vào năm 2010, trước khi kết hôn có được tìm hiểu trong một thời gian ngắn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11 tháng 3 năm 2010. Sau khi kết hôn chị Đ về nhà anh T làm ăn tình cảm vợ chồng thời gian đầu tốt đẹp. Sau một thời gian chung sống đến năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong

cách sống, làm ăn; do tuổi tác chênh lệch nhau và do thời gian tìm hiểu ngắn đã vội kết hôn; anh T hay đi uống rượu về nhà hay chửi và đánh chị. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ nhiều năm đầu năm 2013 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy hiện nay chị Hà Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Dương Công T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Anh Dương Công T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 11 năm 2020 anh Dương Công T trình bày:* Anh Dương Công T kết hôn với chị Hà Thị Đ vào năm 2010, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn, tuy nhiên không biết lý do gì đến năm 2014 chị Hà Thị Đ đã tự bỏ nhà đi mà không nói cho anh biết lý do, từ khi bỏ nhà đi chị Đ không liên lạc gì và cũng không quan tâm gì đến anh nữa. Thời gian đầu chị Đ mới bỏ đi anh còn liên lạc được nhưng về sau chị Đ đã thay đổi số điện thoại thì anh không còn liên lạc được nữa. Hiện nay chị Đ làm gì, ở đâu anh cũng không biết, anh đã nhận được các giấy triệu tập của Tòa án, chị Đ yêu cầu ly hôn anh không nhất trí vì chị Đ tự viết đơn xin ly hôn mà không nói gì cho anh biết.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Dương Công T mặc dù có mặt ở nơi cư trú, được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Hà Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hà Thị Đ đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Dương Công T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Đ. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Chị Hà Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Dương Công T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Công T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Đ và anh Dương Công T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11/3/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Đ và anh Dương Công T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống, anh T hay chửi và đánh chị Đ. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Dương Công T yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng lại không đến Tòa án tham gia tố tụng mặc dù có mặt ở nơi cư trú, đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng.

[4] Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hà Thị Đ và anh Dương Công T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hà Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Dương Công T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án cả chị Hà Thị Đ và anh Dương Công T đều trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Hà Thị Đ và anh Dương Công T đều trình bày là không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hà Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hà Thị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/05888 ngày 29/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hà Thị Đ, xử cho chị Hà Thị Đ được ly hôn với anh Dương Công T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4 Về án phí: Buộc chị Hà Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hà Thị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/05888 ngày 29/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5 Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hà Thị Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Công T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã H, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Dương Thị Ngọc**